

Bản án số: 06/2023/KDTM-ST.

Ngày: 23/3/2023

V/v tranh chấp: Hợp đồng xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng

2. Ông Lưu Văn Thiêm

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy: Bà Đào Thị Quế-
Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử công khai sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 61/2022/TLST-KDTM ngày 04 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp: Hợp đồng xây dựng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-KDTM ngày 07/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH F Việt Nam

Địa chỉ: x đường Đ, phường P, quận H, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành T- Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Minh Đ

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hùng C – luật sư Đoàn luật sư Hà Nội.

- Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng F

Địa chỉ: y đường C, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tiến D – Chủ tịch HĐQT

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH F Việt Nam trình bày:

Ngày 20/09/2017, Công ty TNHH F Việt Nam (gọi tắt là F) và Công ty cổ phần xây dựng F (gọi tắt là FF) ký Hợp Đồng số 531/2017/HĐTC/HL/FF về việc tối ưu thiết kế, cung cấp vật tư và thi công lắp đặt cáp dự ứng lực cho công trình “Nhà khách sạn” thuộc Dự án “Quần thể trung tâm hội nghị, khu dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng và biệt thự nghỉ dưỡng F Hạ Long” (“**Hợp đồng**”)

1. Hợp đồng bao gồm những nội dung chính sau đây:

- Về đối tượng Hợp đồng: FF thuê F thực hiện các công việc: tối ưu thiết kế, cung cấp vật tư và thi công cáp dự ứng lực cho Công Trình thuộc Dự Án. (Điều 6)

- Khối lượng công việc: Cung cấp vật tư, thi công cáp dự ứng lực: 170,3 tấn (vật tư chính) (Phụ lục 1)

- Giá trị Hợp đồng tạm tính: 12.712.342.940 VNĐ (*Mười hai tỷ, bảy trăm mười hai triệu, ba trăm bốn mươi hai ngàn, chín trăm bốn mươi đồng*) (đã bao gồm VAT) (Điều 9)

- Hình thức: Hợp đồng theo đơn giá cố định (Điều 9)

- Phương thức thanh toán: (Điều 9):

+ Tạm ứng: Bên A tạm ứng cho Bên B 20% Giá trị Hợp đồng trong vòng 05 ngày làm việc sau Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán

+ Thanh toán vật tư: Bên A thanh toán đến 70% giá trị khối lượng vật tư về công trường được Bên A xác nhận và trừ khi giá trị thu hồi tạm ứng trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên A chấp thuận hồ sơ thanh toán của Bên b;

+ Thanh toán chi phí sau thi công lắp đặt: Bên A sẽ thanh toán đến 90% giá trị công việc hoàn thành được nghiệm thu hàng tháng trừ đi (a) giá trị thu hồi tiền tạm ứng; (b) giá trị vật tư đưa vào thi công đã được thanh toán.

- Quyết toán (Điều 9.4)

+ Trong vòng 14 ngày làm việc sau khi Hồ sơ quyết toán của Bên B được bên A chấp thuận, bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị quyết toán trừ đi (a) giá trị thu hồi tiền tạm ứng; (b) giá trị đã được thanh toán; (c) Tiền bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm hợp đồng; và (d) các khoản tiền khác mà Bên B phải thanh toán hoặc hoàn trả theo quy định của Hợp đồng.

+ Thời gian bảo hành (Điều 7.6): 12 tháng kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc của Hợp đồng.

Ngày 06/04/2018, F và FF ký Phụ lục Hợp đồng số 08, bổ sung thêm công việc: thiết kế, cung cấp vật tư và thi công lắp đặt cáp dự ứng lực cho tầng 19 của Công trình Nhà Đa năng thuộc Dự Án. Giá trị Phụ lục là: 896.507.562 VNĐ (*Tám trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm lẻ bảy nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng*) (đã bao gồm VAT). Khối lượng: 12.01 tấn.

Sau đó, F và FF tiếp tục ký Phụ lục Hợp đồng số 09 năm 2018 thay đổi khối lượng cáp tại sàn tầng 20 (Tăng 1,75 tấn) và sàn tầng 21 (giảm 5 tấn): Giá điều chỉnh giảm hợp đồng bằng (150.231.372) VNĐ (*Âm một trăm năm mươi triệu, hai trăm ba mươi một nghìn, ba trăm bảy mươi hai đồng*) (đã bao gồm VAT)

2. Việc thực hiện Hợp đồng:

- Sau khi ký kết Hợp đồng, F đã triển khai thực hiện Hợp đồng và hoàn thành công việc theo Biên bản số 01/NTHTHMCT Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình được Chủ đầu tư, Tư vấn quản lý dự án, Tư vấn giám sát, Nhà thầu chính (FF) và Nhà thầu phụ (F) ký kết ngày 06/09/2018.

- Ngày 08/03/2019, Các bên bao gồm Chủ đầu tư, Đại diện Tư vấn quản lý dự án, Đại diện Tổng thầu (FF) và Nhà thầu phụ (F) ký kết Bảng Giá trị đề nghị quyết toán trong Hợp đồng. Ngày 10/3/2019 các bên ký biên bản thanh lý hợp đồng. Theo đó, Giá trị quyết toán là 13.446.602.086 VNĐ, Giá trị FF đã tạm ứng, thanh toán cho Bên B là: 11.523.377.600 VNĐ. Giá trị còn phải trả cho nhà thầu: 1.250.894.381 VNĐ. Tuy nhiên, do sai sót hai bên không ghi nhận số tiền thanh toán đợt 7: 264.983.084 VNĐ mà FF, tại thời điểm hai bên ký Biên Bản, chưa thanh toán. Tuy nhiên, trong các lần đối chiếu công nợ theo Thư xác nhận ngày 31/12/2019 và ngày 10/01/2022, các bên đã ghi nhận lại khoản này vào tổng công nợ.

- Ngày 18/03/2019, F phát hành hóa đơn Giá trị gia tăng số 0000618 cuối cùng. Theo đó, F đã phát hành hóa đơn Giá trị gia tăng cho toàn bộ giá trị Hợp đồng.

- Ngày 02/05/2019, Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Hà Nội phát hành Bảo lãnh bảo hành số 00061IGA1900182 để bảo lãnh cho nghĩa vụ bảo hành của FVN với trị giá 672.300.104 VNĐ và trình FF.

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên không có tranh chấp về khối lượng cũng như giá trị thanh toán.

- **Về việc thanh toán theo Hợp đồng:** Tính đến ngày 01/07/2019 (lần thanh toán cuối cùng), FF đã thanh toán cho F với tổng giá trị 12.358.394.458

VNĐ và còn nợ F **1.088.207.628 VNĐ** được xác nhận tại Thư xác nhận ngày 31/12/2019 và ngày 10/01/2022 (có xác nhận và đóng dấu của hai bên).

Đối với số tiền nợ gốc 1.088.207.628 VNĐ phát sinh từ Hợp Đồng:

Theo khoản 1 Điều 351, khoản 1 Điều 358 Bộ luật dân sự 2015 quy định bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự thì bên có quyền có thể gia hạn để bên có nghĩa vụ hoàn thành nghĩa vụ, nếu quá thời hạn này mà nghĩa vụ vẫn chưa được hoàn thành thì theo yêu cầu của bên có quyền, bên có nghĩa vụ vẫn phải thực hiện nghĩa vụ.

Cho đến nay, FF vẫn chưa thanh toán cho FVN theo Hợp Đồng là: **1.088.207.628 VNĐ** (*Một tỷ, không trăm tám tám triệu, hai trăm linh bảy nghìn, năm trăm sáu chín đồng*). Do đó, FF phải có trách nhiệm thanh toán khoản tiền này cho F theo quy định nêu trên. Do vậy, F có quyền yêu cầu FF thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng với tổng số tiền là **1.088.207.628 VNĐ**.

Đối với số tiền lãi chậm trả phát sinh từ Hợp Đồng:

Điều 20.8 Hợp Đồng quy định: Nếu Bên A thanh toán chậm cho Bên B thì Bên A sẽ phải trả lãi cho những ngày chậm thanh toán theo mức *lãi suất tiền gửi tiết kiệm* đồng Việt Nam kỳ hạn 06 tháng, *lãi trả cuối kỳ* do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam [BIDV] công bố tại thời điểm thanh toán tính trên số tiền và số ngày chậm thanh toán. Tổng số tiền lãi không vượt quá 8% (*tám phần trăm*) tổng số tiền chậm thanh toán. FF có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc 1.988.207.628 VNĐ không muộn hơn ngày 22/05/2019. Tuy nhiên, FF đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ này khi chỉ thanh toán *từng phần* bằng việc thanh toán 400.000.000 VNĐ vào 20/06/2019 và 500.000.000 VNĐ vào ngày 01/07/2019. Số tiền lãi cụ thể gồm:

- Lãi chậm thanh toán đối với khoản tiền nợ gốc 1.988.207.628 đồng, tính từ 22/5/2019 đến ngày 20/6/2019 là 29 ngày, mức lãi suất 5,5% thành tiền là: 8.688.195 đồng

- Lãi chậm thanh toán đối với khoản tiền nợ gốc 1.588.207.628 đồng, tính từ 21/06/2019 đến ngày 01/7/2019 là 10 ngày, mức lãi suất 5,5% thành tiền là: 2.393.190 đồng.

- Lãi chậm thanh toán đối với khoản tiền nợ gốc 1.088.207.628 đồng tính từ 02/7/2019 đến 07/3/2023 là 228.398.371 đồng. Nhưng theo quy định tại Điều 20.8 hợp đồng thì tổng số tiền lãi không vượt quá 8% của số tiền nợ gốc

1.088.207.628. Nên lãi tối đa mà FF phải thanh toán cho số tiền nợ gốc 1.088.207.628 đồng là: $1.088.207.628 \text{ đồng} \times 8\% = 87.056.610 \text{ đồng}$

Tổng số tiền lãi là: 8.688.195 đồng + 2.393.190 đồng + 87.056.610 đồng = **98.137.995 đồng.**

Tổng số nợ gốc và lãi là: 1.088.207.628 đồng + 98.137.995 đồng = **1.186.345.623 đồng.**

Vì các lý do trên, F yêu cầu tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty cổ phần xây dựng F, thực hiện đúng Hợp Đồng, thanh toán cho chúng tôi số tiền nợ gốc **1.088.207.628 VNĐ** (*Một tỷ, không trăm tám tám triệu, hai trăm linh bảy nghìn, năm trăm sáu chín đồng*);

- Buộc Công ty cổ phần xây dựng F thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán, tính đến ngày hôm nay là **98.137.995 VNĐ** (có bảng tính lãi kèm theo).

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty cổ phần xây dựng F còn phải thanh toán cho Công ty TNHH F Việt Nam khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm đồng Việt Nam kỳ hạn 06 tháng, lãi trả cuối kỳ do Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán tính trên số tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong. Nhưng tổng số tiền lãi chậm thi hành án sẽ không được vượt quá 8% của số tiền phải thi hành.

*** Bị đơn Công ty cổ phần xây dựng F vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa lần thứ nhất, phiên tòa lần thứ hai mặc dù bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật.**

Tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty TNHH F Việt Nam vẫn giữ nguyên các yêu cầu của mình như đã trình bày nêu trên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy phát biểu:**

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, thẩm phán và hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH F Việt Nam. Buộc Công

ty cổ phần xây dựng F phải thanh toán số tiền nợ gốc là 1.088.207.628 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty cổ phần xây dựng F còn phải trả số tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo quy định của pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án và việc xét xử vắng mặt bị đơn: Công ty TNHH F Việt Nam khởi kiện đòi thanh toán tiền theo Hợp Đồng số 531/2017/HĐTC/HL/FF về việc tối ưu thiết kế, cung cấp vật tư và thi công lắp đặt cáp dự ứng lực cho công trình “Nhà khách sạn” thuộc Dự án “Quần thể trung tâm hội nghị, khu dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng và biệt thự nghỉ dưỡng FF Hạ Long” đối với Công ty cổ phần xây dựng F có trụ sở theo đăng ký kinh doanh tại x đường C, phường D, quận C, thành phố Hà Nội nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng xây dựng thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Công ty cổ phần xây dựng F vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa lần thứ nhất, phiên tòa lần thứ hai nên tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc ký kết, thực hiện hợp đồng thi công giữa Công ty TNHH F Việt Nam với Công ty cổ phần xây dựng F và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Hợp Đồng số 531/2017/HĐTC/HL/FF ngày 20/9/2017 về việc tối ưu thiết kế, cung cấp vật tư và thi công lắp đặt cáp dự ứng lực cho công trình “Nhà khách sạn” thuộc Dự án “Quần thể trung tâm hội nghị, khu dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng và biệt thự nghỉ dưỡng FF Hạ Long” và các phụ lục 08, 09 kèm theo do nguyên đơn đã nộp cho tòa án bản sao phù hợp với trình bày của nguyên đơn nêu trên. Công ty TNHH F Việt Nam với Công ty cổ phần xây dựng F ký hợp đồng, phụ lục hợp đồng đúng mục đích kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được cấp, người ký hợp đồng đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Các hợp đồng và phụ lục hợp đồng được ký giữa các bên là hợp

đồng phù hợp với quy định tại Điều 138, 139, 140, 141, 143 Luật xây dựng năm 2014. Đây là hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực.

Về nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng: Sau khi ký kết Hợp đồng, F đã triển khai thực hiện Hợp đồng và hoàn thành công việc theo Biên bản số 01/NTHTHMCT Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình được Chủ đầu tư, Tư vấn quản lý dự án, Tư vấn giám sát, Nhà thầu chính (FF) và Nhà thầu phụ (F) ký kết ngày 06/09/2018. Các bên đã tiến hành nghiệm thu công trình theo đúng quy định tại Điều 123 Luật xây dựng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Sau đó, các bên đã tiến hành ký biên bản thanh lý hợp đồng số 531/2017/HĐTC/HL/FF-F ngày 10/3/2019 xác định: Tổng giá trị quyết toán sau thuế: **13.446.602.086 đồng**; Giữ lại 5% giá trị quyết toán sau thuế để bảo hành (bảo hành 5% GTQT sẽ được Công ty TNHH F Việt Nam Bảo lãnh qua ngân hàng): 672.330.104 đồng; Công ty TNHH F Việt Nam đã phát hành các hóa đơn giá trị gia tăng: số 0000424 ngày 29/11/2017; số 0000441 ngày 26/12/2017; số 0000446 ngày 08/01/2018; số 0000447 ngày 15/01/2018; số 000469 ngày 02/4/2018; số 0000504 ngày 18/6/2018; số 0000558 ngày 03/10/2018; số 0000618 ngày 18/3/2019.

Quá trình thanh toán, Công ty cổ phần xây dựng F đã thanh toán được số tiền: 12.358.394.458 đồng (có các chứng từ thanh toán qua ngân hàng) và khi đối chiếu công nợ, tại Thư xác nhận ngày 31/12/2019 và Thư xác nhận ngày 10/01/2022, các bên đã xác nhận Công ty cổ phần xây dựng F còn nợ Công ty TNHH F Việt Nam số tiền: **1.088.207.628 đồng** (có ký đóng dấu của F và FF).

Về vấn đề bảo hành: Thời hạn bảo hành 12 tháng tính từ ngày nghiệm thu 06/09/2018 quy định tại mục 7.6 Điều 7 hợp đồng đã hết. Các bên không có khiếu nại gì về chất lượng, khối lượng công việc theo hợp đồng.

Do vậy, việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc theo hợp đồng xây dựng đã ký kết là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 144 Luật xây dựng năm 2014. Số tiền nợ gốc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 1.088.207.628 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Điều 20.8 Hợp Đồng quy định: Nếu Bên A thanh toán chậm cho Bên B thì Bên A sẽ phải trả lãi cho những ngày chậm

thanh toán theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm đồng Việt Nam kỳ hạn 06 tháng, lãi trả cuối kỳ do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam [BIDV] công bố tại thời điểm thanh toán tính trên số tiền và số ngày chậm thanh toán. Tổng số tiền lãi không vượt quá 8% (tám phần trăm) tổng số tiền chậm thanh toán.

Nếu tính lãi theo quy định của Ngân hàng thì số tiền lãi đến ngày xét xử là: 23/3/2023 đã thấp hơn quy định của luật xây dựng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 42 Nghị định 48/2010 ngày 07/5/2010 của Chính Phủ, khoản 2 Điều 43 nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính Phủ, phù hợp với quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên mức lãi suất không vượt quá 8% tổng số tiền chậm thanh toán do các bên thỏa thuận còn thấp hơn nữa so với số tiền lãi thực tính nêu trên và thỏa thuận này có lợi hơn cho bị đơn nên được tòa án chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn đến ngày xét xử là: 98.137.995 đồng.

Tổng số tiền gốc, lãi mà Công ty cổ phần xây dựng F phải trả Công ty TNHH F Việt Nam là: 1.088.207.628 đồng + 98.137.995 đồng = 1.186.345.623 đồng

Lãi suất chậm thi hành án mà nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận do phù hợp với quy định tại Điều 20.8 hợp đồng và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

[4] Về án phí: Công ty cổ phần xây dựng F phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 36.000.000 đồng +(1.186.345.623 đồng – 800.000.000 đồng)x3% = 47.590.369 đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp đối với Công ty TNHH F Việt Nam.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 113, 123, 138, 139, 140, 141, 143, 144 Luật xây dựng năm 2014.
- Các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, các Điều 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH F Việt Nam đối với Công ty cổ phần xây dựng F.

Buộc Công ty cổ phần xây dựng F phải trả cho Công ty TNHH F Việt Nam số tiền còn nợ theo Hợp đồng thi công số 531/2017/HĐTC/HL/FF ngày 20/9/2017 là:

- Nợ gốc: **1.088.207.628 đồng** (một tỷ, không trăm tám mươi tám triệu, hai trăm linh bảy nghìn, sáu trăm hai mươi tám đồng).

- Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 22/3/2023 là: **98.137.995 đồng** (chín mươi tám triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, chín trăm chín mươi lăm đồng).

* Tổng cộng: **1.186.345.623 đồng** (một tỷ, một trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm hai mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty cổ phần xây dựng F còn phải thanh toán cho Công ty TNHH F Việt Nam khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm đồng Việt Nam kỳ hạn 06 tháng, lãi trả cuối kỳ do Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán tính trên số tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong. Nhưng tổng số tiền lãi chậm thi hành án sẽ không được vượt quá 8% của số tiền phải thi hành theo thỏa thuận của các bên tại Điều 20.8 Hợp Đồng thi công số 531/2017/HĐTC/HL/FF ngày 20/09/2017.

2. Về án phí: Công ty cổ phần xây dựng F phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 47.590.369 đồng (bốn mươi bảy triệu, năm trăm chín

mười nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng). Hoàn trả cho Công ty TNHH F Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 24.191.991 đồng (hai mươi tư triệu, một trăm chín mươi một nghìn, chín trăm chín mươi một đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0018544 ngày 24/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt Công ty TNHH F Việt Nam; vắng mặt Công ty cổ phần xây dựng F. Công ty TNHH F Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty cổ phần xây dựng F có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận Cầu Giấy
- Dương sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Tuấn Anh

